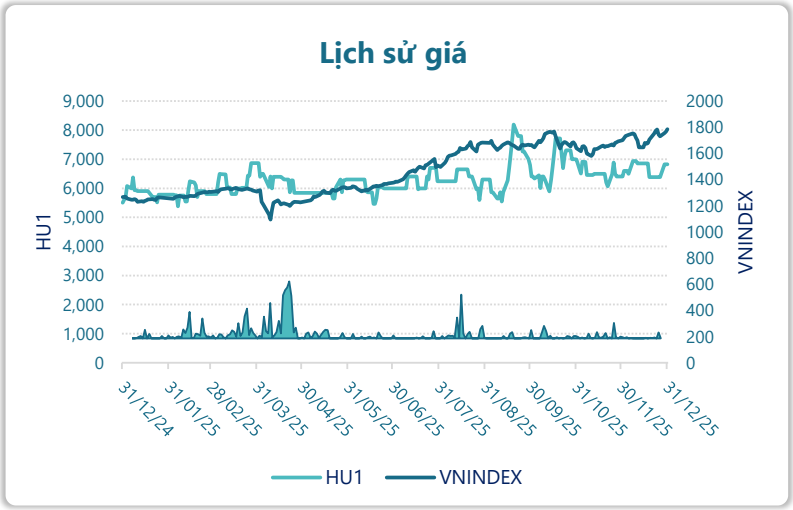
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 (HSX: HU1)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,820**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,190
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,380
SL cổ phiếu LH	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,035
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	68
P/E	18.4
EPS	371

DT thuần

Q4/25

159

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 33.8%

YoY: ▲ 31.0| 24.4%

LN sau thuế

Q4/25

0.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.65| -84.8%

YoY: ▼2.51| -84.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.0%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2025

394

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 161| 68.8%

LN sau thuế

2025

3.73

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.75| -16.8%

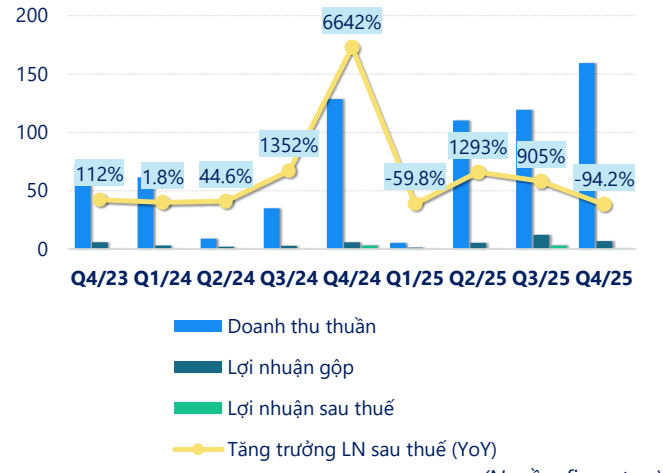
ROE

2025

2.5%

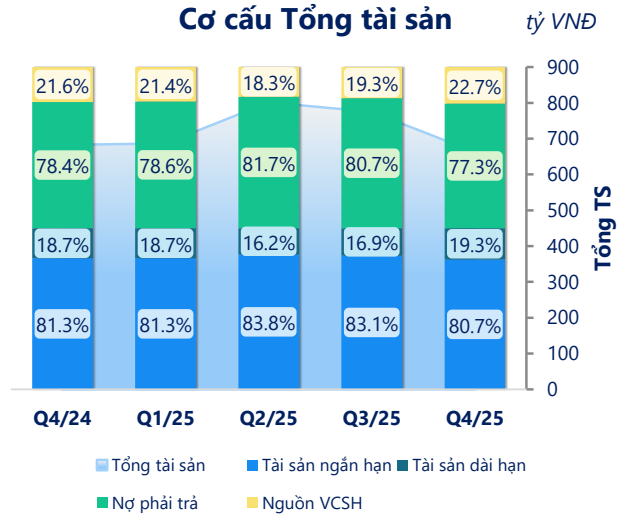
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



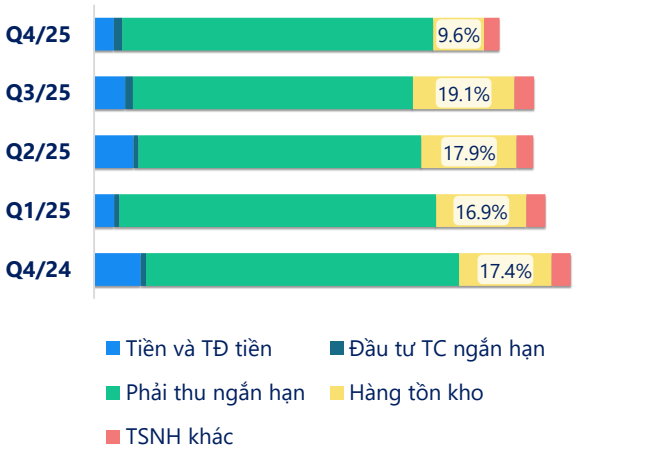
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



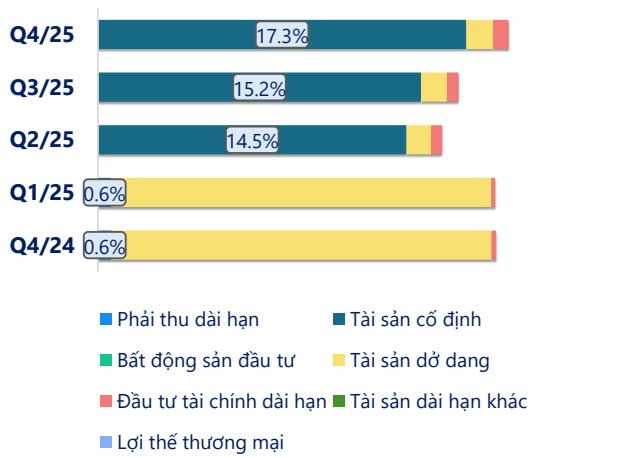
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



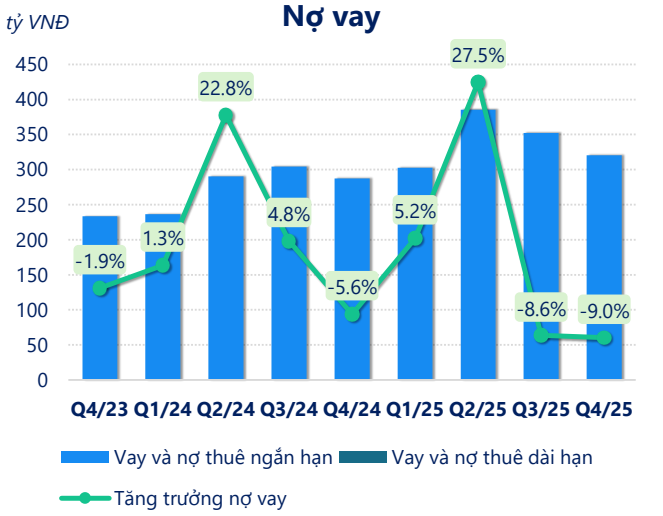
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



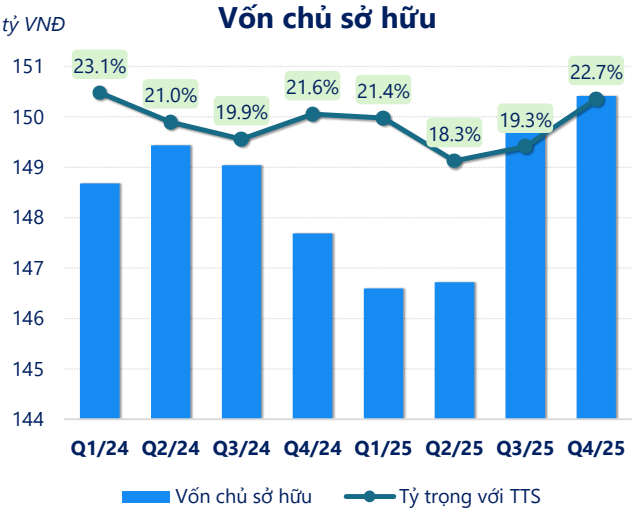
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



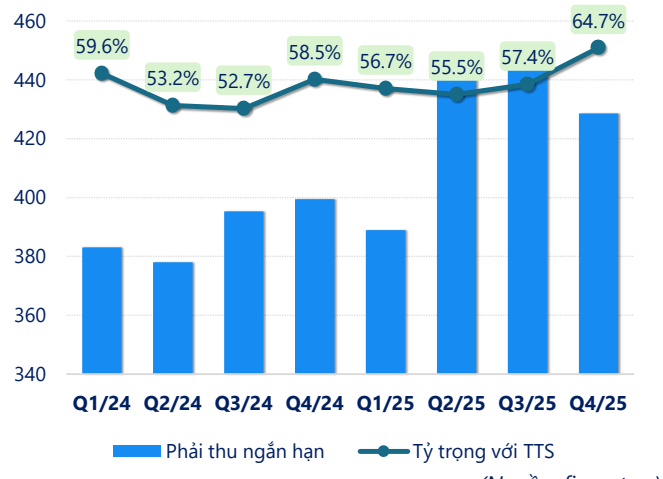
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



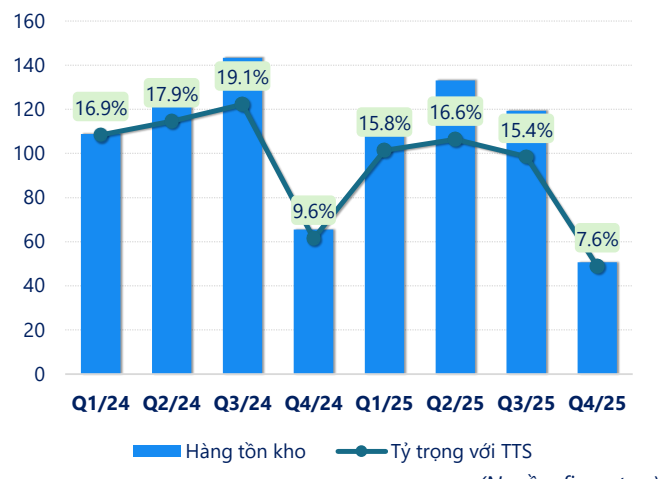
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



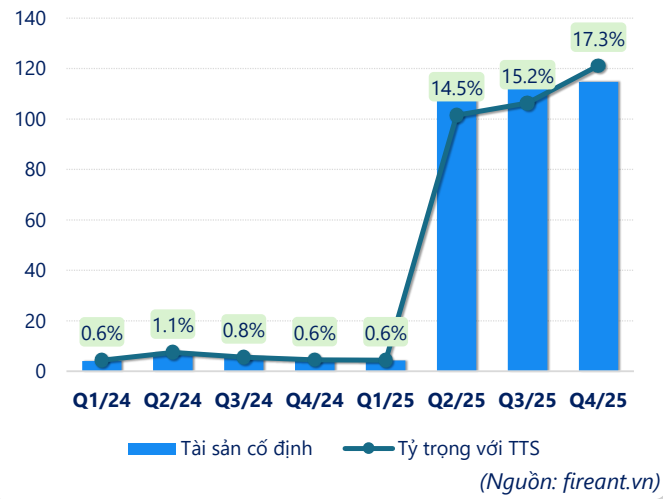
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



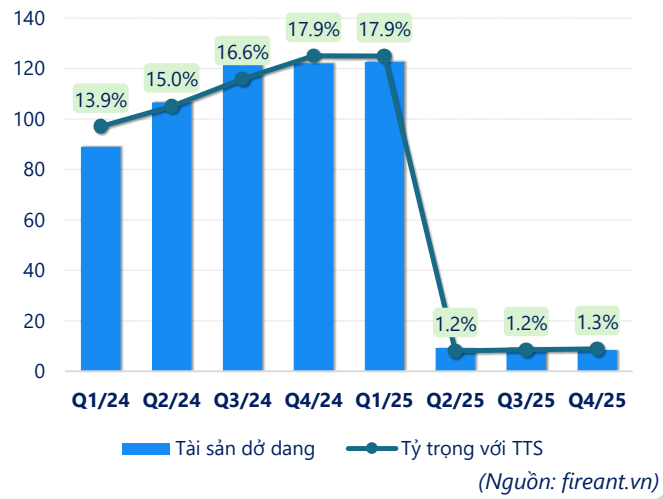
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



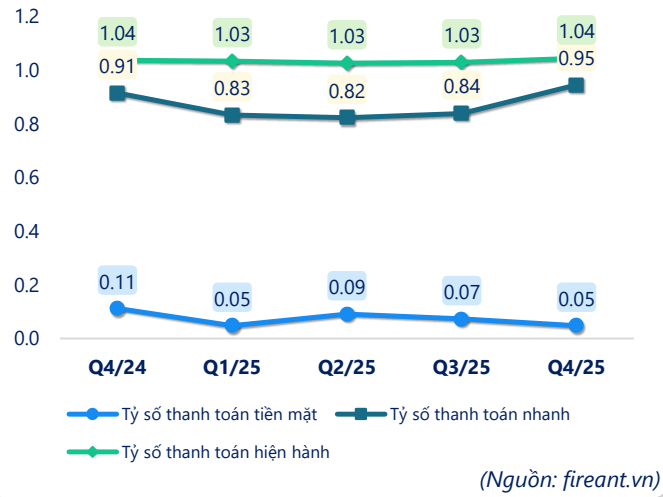
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



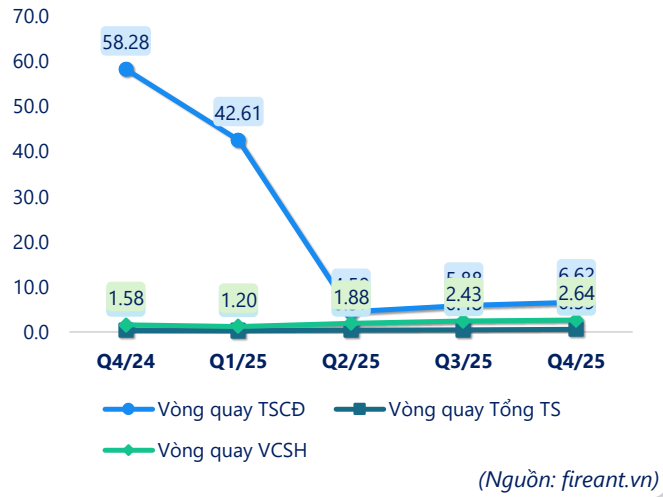
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**683**	**687**	**801**	**775**	**662**
Tài sản ngắn hạn	**555**	**558**	**672**	**644**	**535**
Tiền và tương đương tiền	59.8	25.8	59.3	45.5	24.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.8	10.8	10.8	10.8	10.8
Phải thu ngắn hạn	399	389	444	445	429
Hàng tồn kho	65.6	109	133	119	50.7
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	24.0	24.1	23.0	19.9
Tài sản dài hạn	**128**	**128**	**130**	**131**	**128**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	4.34	4.33	116	118	115
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	122	123	9.25	9.39	8.39
Đầu tư tài chính dài hạn	1.42	1.33	4.15	4.23	4.80
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**535**	**540**	**655**	**625**	**512**
Nợ ngắn hạn	**535**	**540**	**655**	**625**	**512**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	287	302	386	352	321
Phải trả người bán ngắn hạn	86.4	51.7	75.0	95.0	81.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**148**	**147**	**147**	**150**	**150**
Vốn chủ sở hữu	**148**	**147**	**147**	**150**	**150**
Vốn điều lệ	100	100	100	100	100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)